

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20-9-2019

V/v Ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nhữ Văn Vinh và bà Vũ Thị Lan.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mừng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2019 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HN&GD ngày 09 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn V, xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

Có mặt.

Bị đơn: Bà Nhữ Thị H1, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn V, xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông kết hôn với bà Nhữ Thị H1 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH vào năm 1988.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do từ năm 2007, 2008 ông phát hiện bà H1 có quan hệ tình cảm với những người đàn ông khác và đã nhiều lần ông khuyên giải nhưng bà H1 không thay đổi, vẫn như vậy. Tuy nhiên, ông không có chứng cứ cụ thể nào để

cung cấp cho Tòa án về việc này. Ngược lại phía bà H1 cũng nghi ngờ ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, nhưng ông khẳng định đó là mối quan hệ xã hội bình thường trong nghề nghiệp. Vợ chồng ông cũng bất đồng về làm ăn, đã nhiều năm vợ chồng làm ăn riêng, kinh tế riêng. Ngoài ra bà H1 không tôn trọng ông, toàn sử dụng ngôn ngữ xấu khi nói về ông với mọi người.

Do mâu thuẫn như vậy, trong cuộc sống vợ chồng ông thường xảy ra cãi nhau, lúc nóng giận không kìm chế thì còn xảy ra xô xát, từ đó quan hệ tình cảm ngày càng lạnh nhạt, mỗi người có quan tâm riêng, cuộc sống riêng, vợ chồng đã không còn sinh hoạt tình cảm với nhau nhiều năm. Do vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà H1.

Về con chung: Ông và bà H1 có hai con chung là Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1989 và Nguyễn Văn T, sinh năm 1991 hiện đều đã trưởng thành nên ông không có yêu cầu gì về việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Nhữ Thị H1 trình bày: Về việc kết hôn, điều kiện kết hôn với ông H như lời trình bày của ông H là đúng sự thực.

Về cuộc sống chung của vợ chồng, bà H1 thừa nhận vợ chồng chung sống được khoảng 20 năm thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông H không tu chí làm ăn, chơi bời cờ bạc, có lần đi cả qua đêm và còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác rồi về nhà ruồng rẫy bà, mặc dù bà đã rất trách nhiệm và cố gắng hết sức để giữ gìn hạnh phúc gia đình. Ngược lại, ông H nghe người ngoài, nhưng không lắng nghe, tìm hiểu, nên nghi ngờ bà có quan hệ tình cảm với những người đàn ông khác. Bà nhiều lần khuyên ngăn để ông H thay đổi cách sống nhưng ông H không thay đổi, lại còn chửi bới, xúc phạm, đánh bà. Cuộc sống vợ chồng nhiều căng thẳng, mệt mỏi, từ nhiều năm nay vợ chồng bà không còn sự quan tâm chia sẻ với nhau cả về kinh tế gia đình lẫn cuộc sống vợ chồng.

Tuy nhiên, nay ông H yêu cầu ly hôn, bà xét thấy vợ chồng tuổi đã nhiều, có con cháu, việc ly hôn đem lại điều tiếng không tốt, nên bà không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Bà nhất trí xác định có 2 con chung đã trưởng thành như ông H trình bày, không yêu cầu gì về việc nuôi dưỡng

Về tài sản chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện bình Giang phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã cơ bản tuân thủ quy định của pháp luật trong thụ lý vụ án, xây dựng hồ sơ, tổ chức phiên tòa giải, đưa vụ án ra xét xử và các hoạt động tố tụng khác. Tại phiên tòa Hội đồng

xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật trong điều hành phiên tòa; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H, xử cho ông H ly hôn bà Nhữ Thị H1.

- Về con chung, tài sản chung: Không phải giải quyết.

- Về án phí: ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định và được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Nhữ Thị H1 đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ 2, vắng mặt không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bà H1.

[2]. Về yêu cầu ly hôn của ông H:

Ông Nguyễn Văn H và bà Nhữ Thị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 1988, nên có quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự phù hợp với nhau và với tài liệu chứng cứ khác có đủ cơ sở để khẳng định: Sau khi kết hôn, vợ chồng ông H hòa thuận được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H và bà H1 thiếu tin tưởng, nghi ngờ về lòng chung thủy đối với nhau khi cả ông H và bà H1 đều cho rằng bên kia có quan hệ tình cảm với người khác, ngoài ra còn mâu thuẫn về ứng xử đối với nhau, về làm ăn kinh tế. Cả hai bên đều thừa nhận tình trạng mâu thuẫn đã kéo dài nhiều năm, thường xuyên xảy ra cãi nhau, thậm chí còn xô xát và đã nhiều năm nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Ông H yêu cầu ly hôn, bà H1 không đồng ý ly hôn, chỉ bởi vì cho rằng tuổi đã cao, việc ly hôn đem lại điều tiếng không hay cho bà.

Hội đồng xét xử thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ông H, bà H1 đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của ông H, xử cho ông được ly hôn bà H1.

[3] Về con chung, tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết việc nuôi con vì cả 2 con chung đều đã thành niên, không yêu cầu chia tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: ông H là nguyên đơn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, xử cho ông Nguyễn Văn H ly hôn bà Nhữ Thị H1.

Về án phí: ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/005345 ngày 04/5/2019. Ông Nguyễn Văn H đã nộp đủ án phí.

Ông H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bà H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã TH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Văn Cường